

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÔNG HÌNH  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 03/2021/DS-ST*

*Ngày: 28/4/2021*

*V/v tranh chấp hợp đồng*

*Vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hồng Thái;
2. Bà Bùi Thị Lùng.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Chị Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Viết L sinh năm 1966, địa chỉ: M04 HV, thị trấn PT, huyện KP, tỉnh GL. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Trọng T sinh năm 1981, nơi ĐKKHTT: Thôn BG, xã ĐBĐ, huyện SH, tỉnh Phú Yên; bà Võ Thị G sinh năm 1981, nơi ĐKKHTT: Buôn K, xã KP, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Điều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Viết L trình bày:*

Ngày 22/01/2019 ông Nguyễn Trọng T vay của ông Linh 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn đến tháng 2/2020 trả đủ cả gốc và lãi. Tiếp đến ngày 03/02/2020, ông T vay tiếp 70.000.000 đồng. Đến ngày 15/02/2021 ông T cộng hai khoản vay và viết giấy vay nợ ông L 150.000.000 đồng, thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 182914 do UBND huyện SH cấp cho vợ ông T là Võ Thị G ngày 19/3/2015 (Sổ đỏ), hạn đến 15/3/2020 trả đủ tiền gốc, lãi và lấy lại sổ đỏ.

Sau khi vay tiền, ông T bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đi khỏi địa phương. Vì vậy ông Trần Viết L khởi kiện yêu cầu:

1. Vợ chồng ông Nguyễn Trọng T bà Võ Thị G trả toàn bộ số nợ 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/02/2020 đến ngày trả hết nợ gốc và lãi, với mức lãi suất 15%/năm.

2. Trong trường hợp vợ chồng ông T bà G không thực hiện trả nợ, đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 182914 do UBND huyện SH cấp ngày 19/3/2015 để bán thu hồi nợ cho ông L.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Trần Viết L rút phần yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 182914 do UBND huyện SH cấp ngày 19/3/2015 để bán thu hồi nợ.

*Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa vợ chồng ông T bà G đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ 2, nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 466, Điều 468, Điều 357 BLDS, buộc ông Nguyễn Trọng T trả ông L số tiền nợ 154.000 đồng (trong đó 150.000.000 đồng tiền gốc, 4.000.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 01/10/2020) và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/10/2020 cho đến ngày trả hết nợ. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 182914 do UBND huyện SH cấp ngày 19/3/2015 để bán thu hồi nợ.

Buộc bị đơn Nguyễn Trọng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông Trần Viết L có đơn khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Trọng T bà Võ Thị G cư trú tại thôn BG, xã ĐBĐ, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Kết quả xác minh tại địa phương: Ông Nguyễn Trọng T đăng ký HKTT tại thôn BG, xã ĐBĐ, huyện SH; năm 2017 bà Võ Thị G đã chuyển hộ khẩu, đăng ký thường trú tại Buôn K, xã KP, huyện SH, tỉnh Phú Yên nhưng chỉ được

khoảng 2 năm thì bỏ đi khỏi SH, hiện vợ chồng ông T bà G không biết đi đâu. Toàn bộ các giấy vay tiền thể hiện việc giao dịch chỉ có ông T trực tiếp thực hiện, không có bà G tham gia, không ký tên trong các giấy vay tiền, tiền vay không thể hiện mục đích sử dụng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với vợ chồng ông T bà G thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Trọng T bà Võ Thị G đã được tổng đạt hợp lệ (niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng) nhưng đều vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông T, bà G.

[4] Về nội dung tranh chấp: Trong toàn bộ quá trình tố tụng, Tòa án đã niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vợ chồng ông T bà G vẫn không có mặt, được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên cần chấp nhận lời trình bày và các chứng cứ tài liệu của nguyên đơn về việc ông Nguyễn Trọng T có vay tiền và viết giấy vay tiền của ông L tổng cộng 150.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ngày 22/01/2019 ông Nguyễn Trọng T vay của ông L 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn đến tháng 2/2020 trả đủ cả gốc và lãi. Tiếp đến ngày 03/02/2020, ông T vay tiếp 70.000.000 đồng. Ngày 15/02/2020 ông T cộng hai khoản vay và viết giấy vay nợ ông L 150.000.000 đồng hạn đến 15/3/2020 trả đủ tiền gốc, lãi, như vậy có đủ căn cứ xác định số tiền vay là 150.000.000 đồng và việc thỏa thuận vay giữa hai bên là vay có lãi, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và lãi vay là có cơ sở. Theo thỏa thuận của hai bên lãi suất vay là 3%/tháng nhưng trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức 15%/năm là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên cần chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T bà G đồng trách nhiệm trả nợ tiền vay cho ông, tuy nhiên các giấy vay tiền thể hiện việc giao dịch chỉ có ông T thực hiện, không có bà G tham gia, không ký tên trong các giấy vay tiền, tiền vay không thể hiện mục đích sử dụng, bà G, ông T không có mặt trong quá trình tố tụng, không có lời trình bày nên căn cứ quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, chỉ có đủ cơ sở xác định ông T vay và có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay 150.000.000 đồng tiền gốc, 150.000.000 đồng x 14 tháng 13 ngày x 15%/12 tháng = 26.863.000 đồng (đã làm tròn số) tiền lãi phát sinh tính đến ngày 28/4/2021, tổng cộng 176.863.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2021 cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại các Điều 357,

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Khi viết giấy vay tiền, ông Nguyễn Trọng T có viết nội dung thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 182914 do UBND huyện Sông Hinh cấp cho hộ bà Võ Thị G (vợ ông T) ngày 19/3/2015. Tuy nhiên, việc thế chấp không đảm bảo quy định của pháp luật về hình thức và nội dung, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

[6] Về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn Trần Viết L phải chịu 3.033.000 (ba triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, ông L đã nộp đủ.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Trọng T có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng là:  $176.863.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.843.000 \text{ đồng}$ .

Hoàn trả cho nguyên đơn Trần Viết L 8.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0005585 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 155, 156, 157, 180, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Viết L: Buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng T phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Viết L số tiền 176.863.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng, gồm nợ gốc 150.000.000 đồng + nợ lãi 26.863.000 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2021 theo mức lãi suất 15%/năm cho đến khi trả hết nợ;

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu: Trong trường hợp vợ chồng ông T bà G không thực hiện trả nợ, đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 182914 do UBND huyện SH cấp ngày 19/3/2015 để bán thu hồi nợ.

Về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn Trần Viết L phải chịu 3.033.000 (ba triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng), ông L đã nộp đủ.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Trọng T phải chịu 8.843.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Trần Viết L 8.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0005585 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Đông**